

Bản án số: 17/2018/HS-ST
Ngày 01 tháng 8 năm 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAM LÂM, TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông LÊ HOÀI TÂM.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông LÊ QUÝ HÙNG

Ông THÁI CAO BÌNH

- Thư ký phiên tòa: Bà NGUYỄN HOA KIM CÚC – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cam Lâm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Ông PHẠM THANH THOẠI – Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 17/2018/TLST-HS ngày 19 tháng 6 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. THÁI XUÂN H – sinh ngày: 16/6/2000 tại K, đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 16 tuổi 6 tháng 27 ngày; nơi ĐKHKTT và chỗ ở: thôn K, xã S, huyện C, tỉnh Khánh Hòa; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa (học vấn): 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Thái Ngọc H – sinh năm: 1976 và bà Nguyễn Thị Cẩm H – sinh năm: 1978; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: ngày 11/4/2018 bị Tòa án nhân dân huyện C xử phạt 02 năm 03 tháng tù về tội “Cướp tài sản”; bị bắt, tạm giam ngày 24/01/2018. “có mặt”

2. NGUYỄN ĐỨC T (Tên gọi khác: M) - sinh năm: 1993 tại K; nơi ĐKHKTT và chỗ ở: thôn X, xã S, huyện D, tỉnh Khánh Hòa; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; cha dượng là ông Dương Văn Đ – sinh năm: 1963 và mẹ ruột bà Nguyễn Thị Thanh D – sinh năm: 1970; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: không. “có mặt”

- Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Đức T: Nguyễn Thị Thanh D – sinh năm: 1970; nơi cư trú: thôn X, xã S, huyện D, tỉnh Khánh Hòa. “có mặt”

- Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Đức T: Ông Lê Thanh Sơn, trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Khánh Hòa. “có mặt”

- Bị hại: Trần H – sinh năm: 1995; nơi cư trú: thôn C, xã S, huyện D, tỉnh Khánh Hòa. “có mặt”

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Nguyễn Thị B – sinh năm: 1946; nơi cư trú: thôn K, xã S, huyện C, tỉnh Khánh Hòa. “vắng mặt”
2. Phan Nguyễn Hoàng T – sinh năm: 1982; nơi cư trú: thôn 4, xã D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa. “vắng mặt”
3. Thái Ngọc H – sinh năm: 1976; nơi cư trú: thôn K, xã S, huyện C, tỉnh Khánh Hòa. “có mặt”
4. Nguyễn Thị Cẩm H – sinh năm: 1978; nơi cư trú: thôn K, xã S, huyện C, tỉnh Khánh Hòa. “có mặt”

- Người làm chứng:

1. Trần Minh T – sinh năm: 1973
2. Lê K – sinh năm: 1969

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ 00 ngày 13/01/2017, Thái Xuân H cùng với Nguyễn Đức T đi đến quán nước của bà Nguyễn Thị B bên Quốc lộ 1A thuộc thôn K, xã S, huyện C để ngồi uống nước. Đến khoảng 23 giờ cùng ngày, khi quán đóng cửa, H quan sát ở khu tái định cư (đối diện quán nước) có anh Trần H đang ngồi sử dụng điện thoại di động trong căn chòi của anh Trần Minh T (để canh giữ vật liệu xây dựng cho anh T) nên H rủ T chiếm đoạt chiếc điện thoại của anh H thì T đồng ý. H đi ra sau quán tháo 01 sợi dây thừng màu đen dài 1,5 m, còn T nhặt một khúc cây gỗ dài khoảng 01 m cầm theo. Khi đến chòi, quan sát thấy đèn điện vẫn còn sáng và anh H đang nằm trên võng, bên cạnh là một bàn nhựa, trên bàn có 01 con dao dài khoảng 20 cm nên H đi tới tắt điện chiếu sáng, rồi dùng dây thừng quấn quanh võng để trói anh H lại. Thấy anh H thức giấc nên H cầm dao để trên bàn nhựa kê vào cổ anh H khống chế, yêu cầu anh H đưa điện thoại di động. Anh H trả lời không có điện thoại thì H bảo T canh giữ anh H. T cầm khúc cây gỗ kê vào cổ anh H dọa đánh và yêu cầu nằm im. Anh H bị khống chế nên nằm im trên võng. H lục tìm lấy được 01 điện thoại di động hiệu MASSTEL JUNO S6. Sau khi lấy được điện thoại, H tháo dây thừng ra và bắt anh H đứng dậy để trói 02 tay anh H ra sau lưng. Sau đó, Hiền và Thành dẫn anh Hải ra trước công đình Khánh Thành cách chòi khoảng 50 m. Tại đây, H đứng canh để T tiếp tục lục túi anh H lấy thêm 160.000 đồng. Sau khi lấy tiền, H và T tiếp tục dùng tay và cây đánh vào người anh H. Khi thấy anh H ngã xuống đất, H quay lại chòi lấy thêm 01 bộ sạc pin điện thoại rồi cùng T bỏ đi. Số tiền chiếm đoạt được, H chia cho T 40.000 đồng.

Đến ngày hôm sau, H mang điện thoại và bộ sạc pin chiếm đoạt của anh H đến thôn 4, xã D, huyện D bán cho anh Phan Nguyễn Hoàng T (chủ cửa hàng điện thoại H) được 600.000 đồng. H chia cho T 200.000 đồng, số tiền còn lại H cất giữ và tiêu xài hết.

Ngày 04/6/2018, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện C kết luận: Chiếc điện thoại di động hiệu MASSTEL JUNO S6 có giá 1.434.000 đồng; 01

sim điện thoại mạng Viettel số 01697245700 và 01 sim 3G gắn trong điện thoại có giá 100.000 đồng; 01 bộ sạc pin điện thoại có giá 40.000.

Cộng với số tiền mặt thì tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 1.734.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số 14/CT-VKSCL ngày 14/6/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa đã truy tố các bị cáo Thái Xuân H, Nguyễn Đức T về tội “Cướp tài sản” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 168 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cam Lâm có ý kiến bổ sung nội dung bản cáo trạng và truy tố các bị cáo Thái Xuân H, Nguyễn Đức T về tội “Cướp tài sản” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 133 Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cam Lâm vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo Thái Xuân H, Nguyễn Đức T về tội “Cướp tài sản”.

Đối với bị cáo Thái Xuân H: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 2 Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội; điểm d khoản 2 Điều 133; điểm b, p khoản 1 Điều 46; Điều 47; Điều 51; Điều 69; Điều 74 Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009, xử phạt bị cáo từ 05 đến 06 năm tù và tổng hợp với hình phạt của Bản án số 05/2018/HSST ngày 11/4/2018 của Tòa án nhân dân huyện Cam Lâm.

Đối với bị cáo Nguyễn Đức T: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 2 Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội; điểm d khoản 2 Điều 133; điểm b, n, p khoản 1 Điều 46; Điều 47 Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009, xử phạt bị cáo từ 03 đến 04 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, bị hại Trần H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Thái Ngọc H, Nguyễn Thị Cẩm H không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xét. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị B, Phan Nguyễn Hoàng T vắng mặt nên cần tách thành vụ kiện dân sự khác khi có yêu cầu.

- Các bị cáo Thái Xuân H, Nguyễn Đức T khai nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung bản cáo trạng số 14/CT-VKS ngày 14/6/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cam Lâm và xin giảm nhẹ hình phạt.

Ý kiến của người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Đức T: Hiện nay, bị cáo Nguyễn Đức T đang bị bệnh hạn chế khả năng nhận thức nên đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng án treo hoặc áp dụng Điều 49 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 miễn trách nhiệm hình sự, bắt buộc chữa bệnh cho bị cáo.

Ý kiến của người đại diện hợp pháp cho bị cáo Nguyễn Đức T là bà Nguyễn Thị Thanh D: Bị cáo T bệnh rất nặng, không tự lo được cho bản thân nên xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Nguyễn Đức T.

Ý kiến của bị hại Trần H: Gia đình các bị cáo đã bồi thường thiệt hại nên không yêu cầu gì thêm về phần trách nhiệm dân sự và anh H xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Thái Ngọc H, Nguyễn Thị Cẩm H: Ông bà đã thay mặt cho các bị cáo bồi thường cho bị hại Trần H và không yêu cầu bị cáo Nguyễn Đức T phải hoàn trả lại số tiền này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị B, Phan Nguyễn Hoàng T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, Hội đồng xét xử xét thấy những người này đã có lời khai tại cơ quan điều tra và sự vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc giải quyết vụ án nên căn cứ khoản 2 Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự tách việc bồi thường để xét xử sau theo quy định của pháp luật.

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Cam Lâm, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cam Lâm, Kiểm sát viên, người bào chữa trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, người bào chữa đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa, các bị cáo Thái Xuân H, Nguyễn Đức T đã khai nhận hành vi phạm tội, lời khai của các bị cáo phù hợp lời khai của bị hại và các chứng cứ tài liệu có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ căn cứ để kết luận: Khoảng 23 giờ ngày 13/01/2017, tại khu vực tái định cư thuộc thôn K, xã S, huyện C, Thái Xuân H và Nguyễn Đức T đã dùng dây thừng trói và dùng dao, cây gỗ, tay chân đánh, đe dọa anh Trần H để chiếm đoạt 160.000 đồng tiền mặt, 01 điện thoại di động hiệu MASSTEL JUNO S6 và 01 bộ sạc pin điện thoại với tổng giá trị 1.734.000 đồng. Hành vi dùng dây thừng trói và dùng dao, cây gỗ để đe dọa và dùng vũ lực tấn công người khác của các bị cáo để chiếm đoạt tài sản đã đủ yếu tố cấu thành tội cướp tài sản thuộc trường hợp sử dụng phương tiện nguy hiểm được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 133 Bộ luật hình sự. Như vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cam Lâm truy tố các bị cáo theo Cáo trạng số 14/CT-VKSCL ngày 14/6/2018 và ý kiến bổ sung nội dung bản cáo trạng tại phiên tòa là có căn cứ, đúng pháp luật. Hành vi của các bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến sức khỏe, quyền sở hữu của công dân là khách thể được pháp luật hình sự bảo vệ, đồng thời gây mất trật tự trị an ở địa phương nên cần xử lý các bị cáo với mức hình phạt nghiêm khắc, tương xứng với hành vi của từng bị cáo.

Xét vai trò, tính chất hành vi phạm tội của từng bị cáo:

- Đối với bị cáo Thái Xuân H: Là người thực hành tích cực, đồng thời là người rủ rê, có nhân thân xấu đã bị kết án về tội cướp tài sản. Bị cáo đã trực tiếp dùng dây thừng trói, dùng dao kê vào cổ đe dọa và đánh anh H nhằm mục đích làm cho anh H lâm vào tình trạng không thể chống cự được để chiếm đoạt tài sản. Vì vậy, cần xử lý bị cáo với mức án nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian dài mới có tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung cho xã hội. Tuy nhiên, xét thấy bị cáo phạm tội khi chưa thành niên nhận thức pháp luật còn hạn chế; quá trình, điều tra truy

tổ, xét xử bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã được gia đình bồi thường thiệt hại cho bị hại và được bị hại bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt nên cần quyết định một hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt đối với bị cáo để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật mà an tâm cải tạo thành người có ích cho xã hội.

- Đối với bị cáo Nguyễn Đức T: Là người thực hành tích cực, bị cáo đã dùng cây gỗ kê vào cổ, đe dọa và đánh anh H nhằm mục đích làm cho anh H lâm vào tình trạng không thể chống cự được để cùng đồng bọn chiếm đoạt tài sản. Vì vậy, cần xử lý bị cáo với mức án nghiêm khắc nhưng thấp hơn bị cáo H. Tuy nhiên, xét thấy bị cáo là người có bệnh bị hạn chế khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi; quá trình, điều tra truy tố, xét xử bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã được gia đình bồi thường thiệt hại cho người bị hại và được người bị hại bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt nên cần quyết định một hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt đối với bị cáo để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật mà an tâm cải tạo thành người có ích cho xã hội.

[3] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, bị hại Trần H, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Thái Ngọc H, Nguyễn Thị Cẩm H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị B, Phan Nguyễn Hoàng T vắng mặt nên tách thành vụ kiện dân sự khác khi có yêu cầu.

[4] Về án phí: Bị cáo Thái Xuân H, Nguyễn Đức T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 133; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47; Điều 51; Điều 53; Điều 69; Điều 74 Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009 đối với bị cáo Thái Xuân H.

- Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 133; điểm b, n, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47; Điều 53 Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009 đối với bị cáo Nguyễn Đức T.

- Xử phạt:

+ Bị cáo Thái Xuân H 05 (năm) năm tù về tội cướp tài sản. Tổng hợp với hình phạt 02 năm 03 tháng tù của Bản án số 05/2018/HSST ngày 11/4/2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Khánh Hòa, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án là 07 (bảy) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 24/01/2018.

+ Bị cáo Nguyễn Đức T 03 (ba) năm tù về tội cướp tài sản. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

* Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Trần H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Thái Ngọc H, Nguyễn Thị Cẩm H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị B, Phan Nguyễn Hoàng T vắng mặt nên cần tách thành vụ kiện dân sự khác khi có yêu cầu.

* Về án phí: Căn cứ Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc các bị cáo Thái Xuân H, Nguyễn Đức T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo Thái Xuân H, Nguyễn Đức T, người đại diện hợp pháp cho bị cáo Nguyễn Đức T là bà Nguyễn Thị Thanh D, người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Đức T là ông Lê Thanh Sơn, bị hại Trần H, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Thái Ngọc H, Nguyễn Thị Cẩm H được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị B, Phan Nguyễn Hoàng Tr được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hoà;
- VKSND tỉnh Khánh Hoà;
- VKSND huyện Cam Lâm;
- Công an huyện Cam Lâm;
- THADS huyện Cam Lâm;
- Bị cáo, người đại diện hợp pháp;
- Người bào chữa;
- Bị hại, người liên quan;
- Lưu AV, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

Lê Hoài Tâm